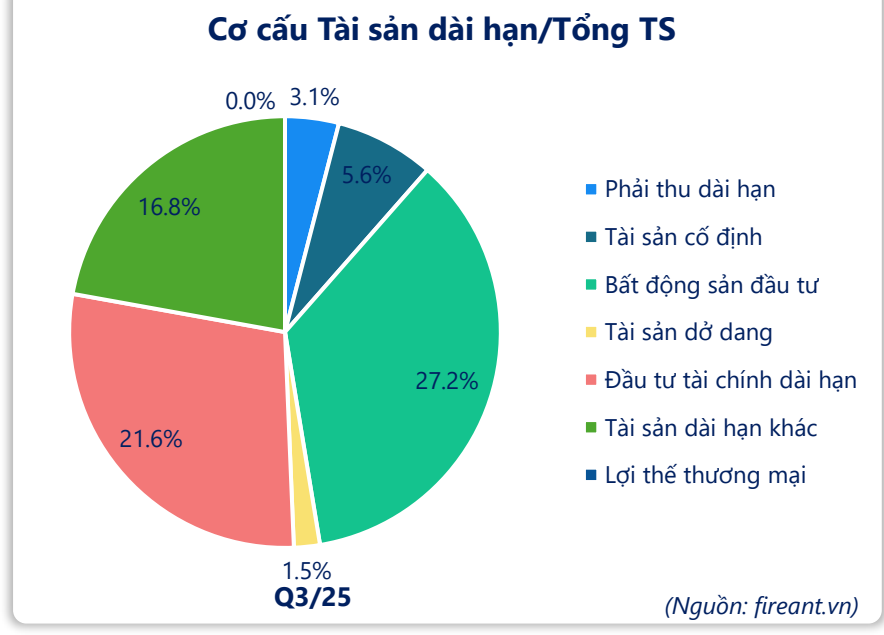
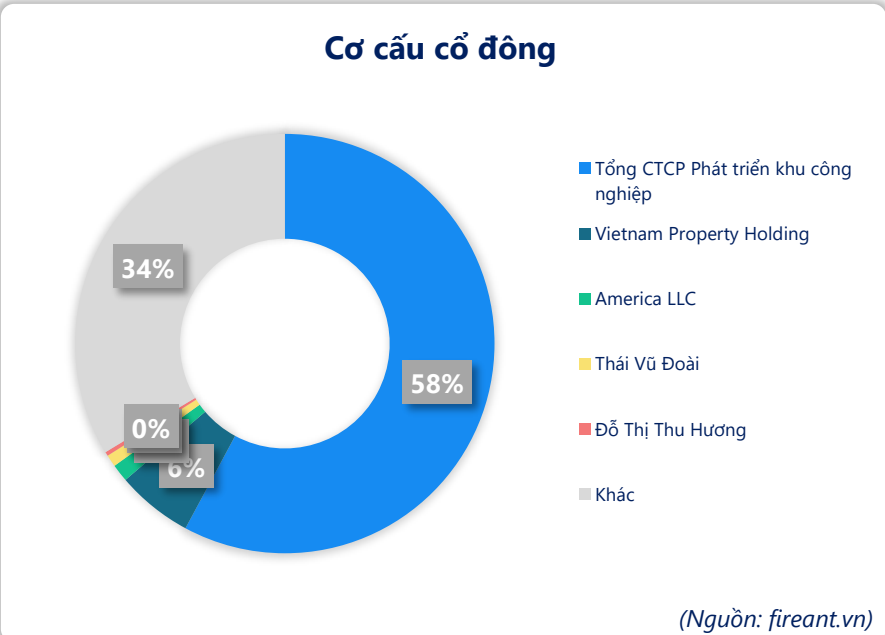
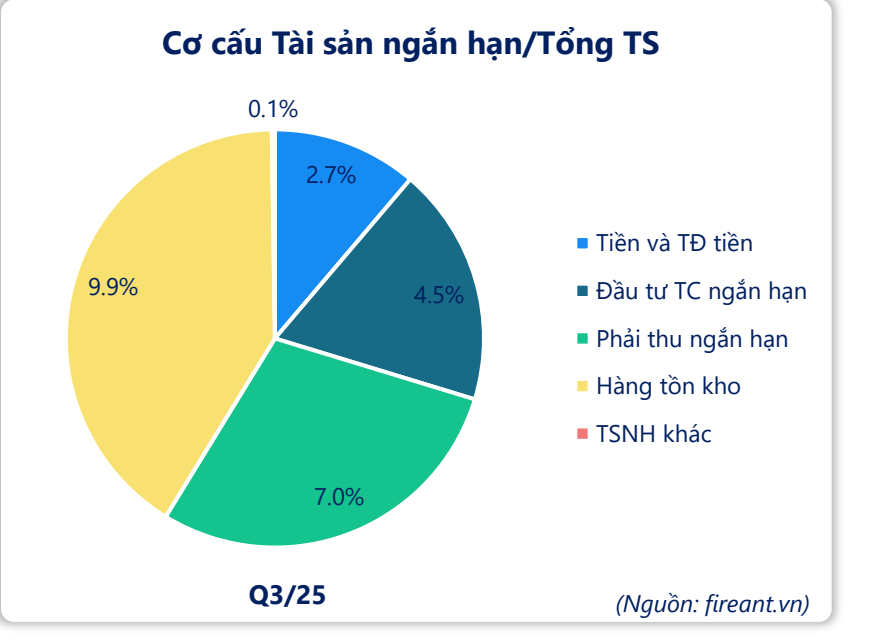
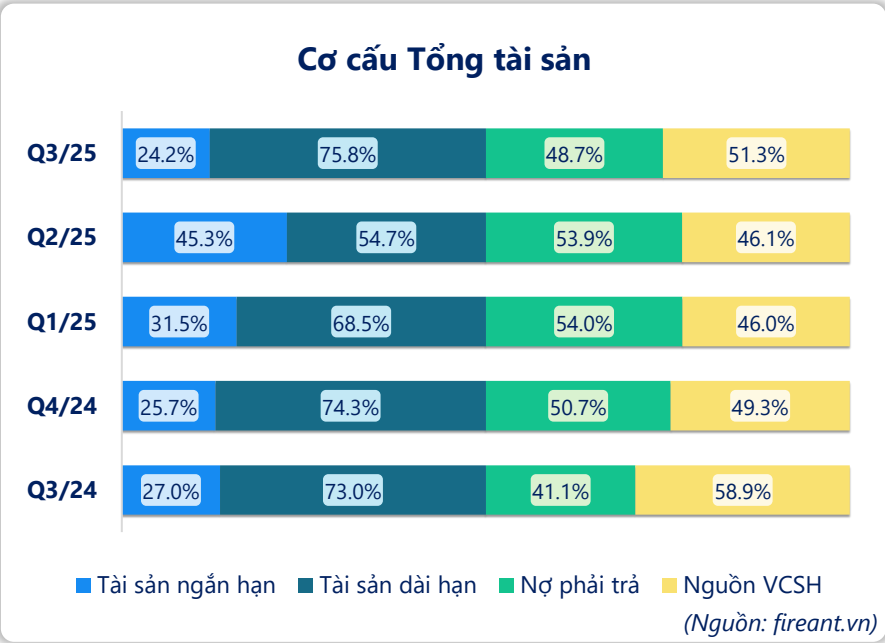
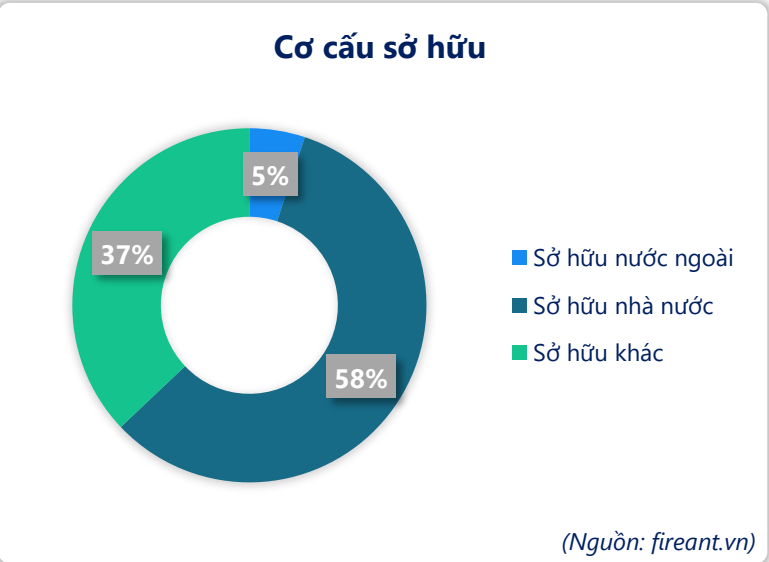
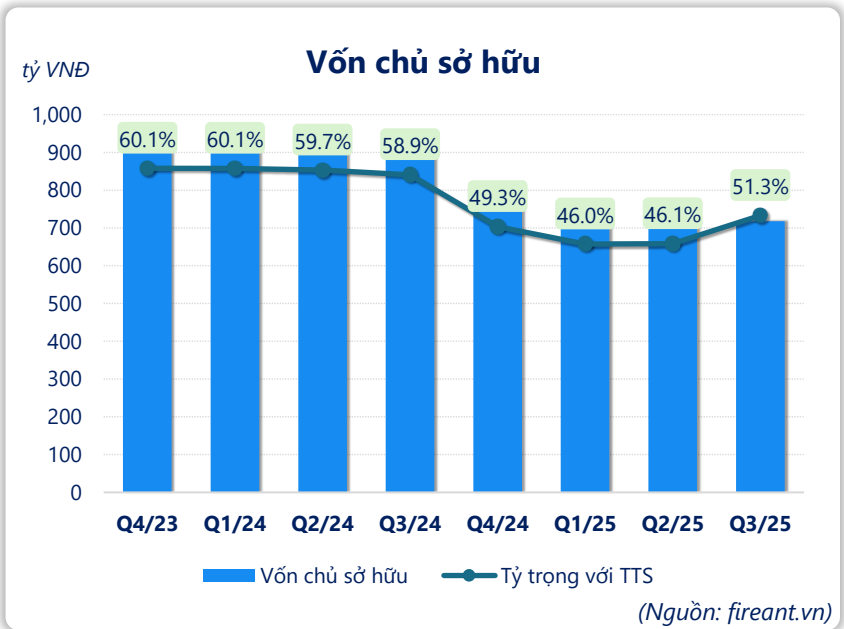
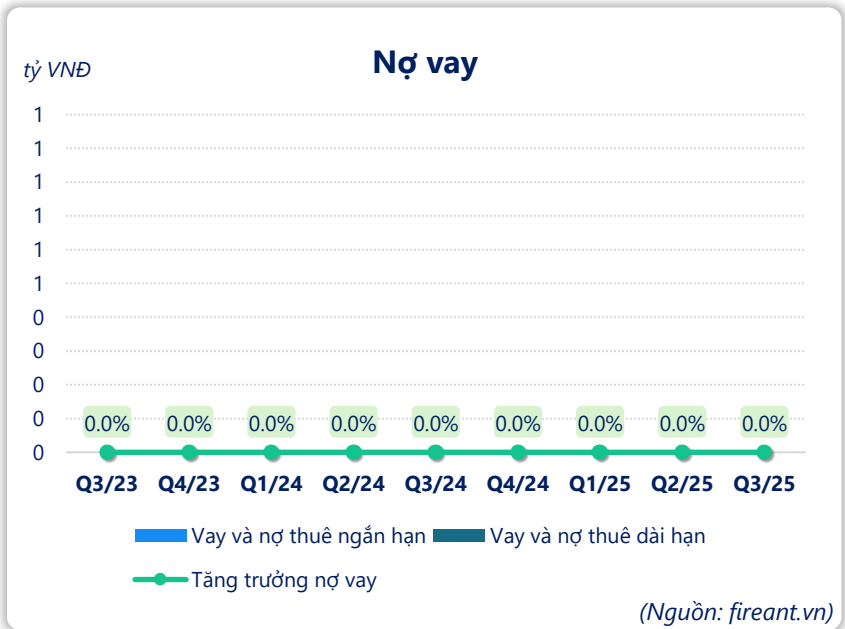
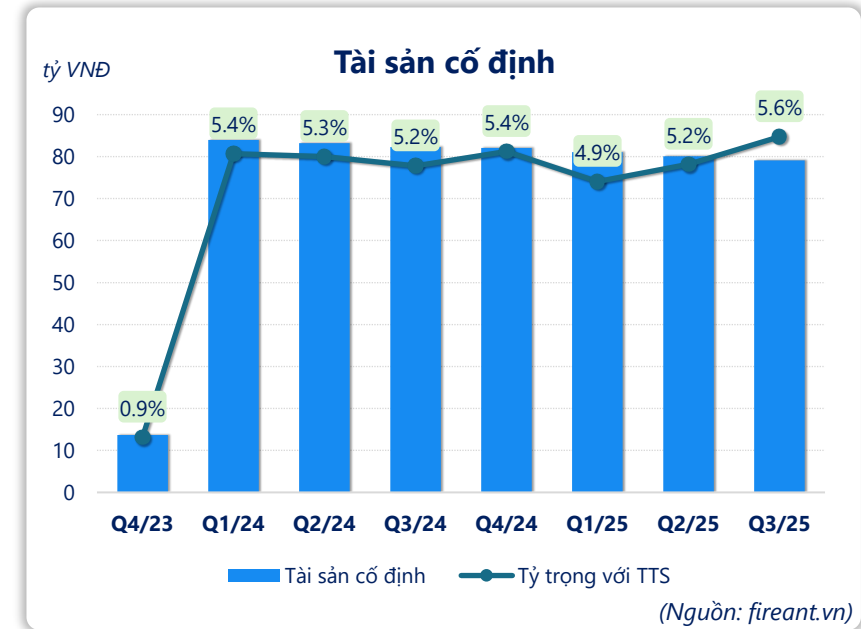
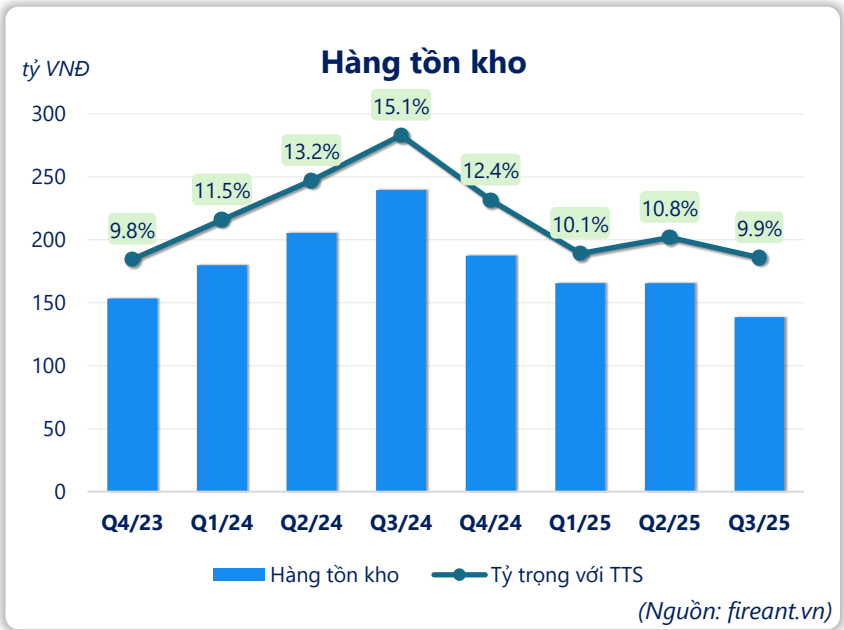
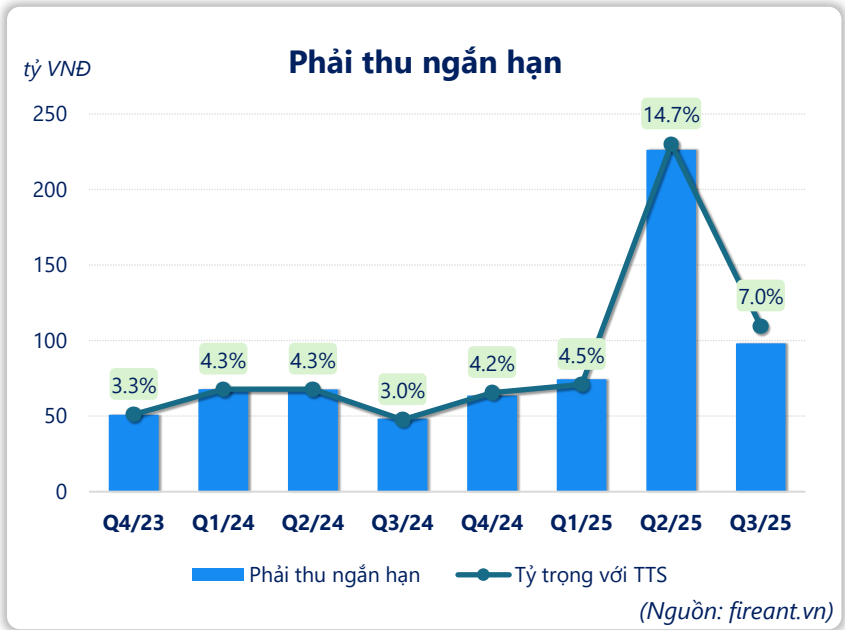
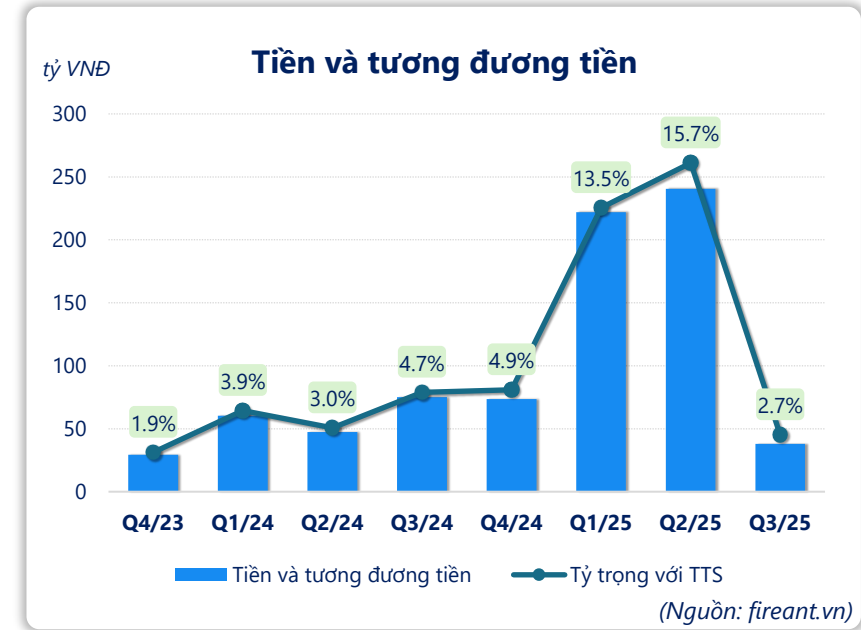
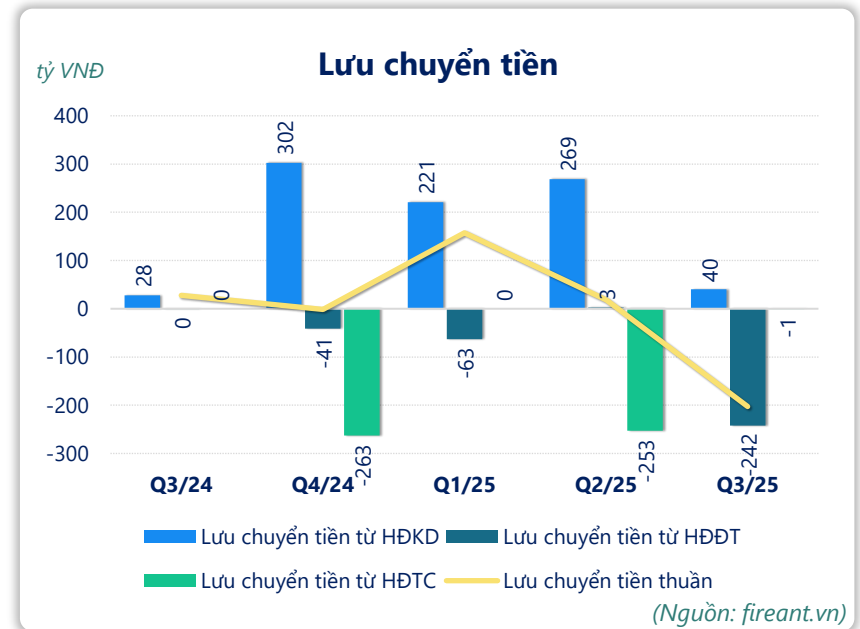
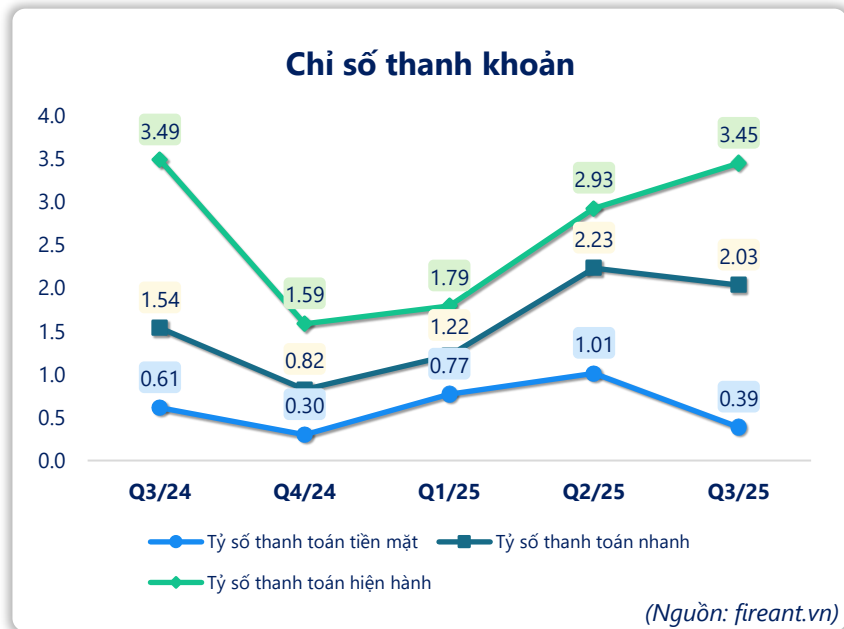
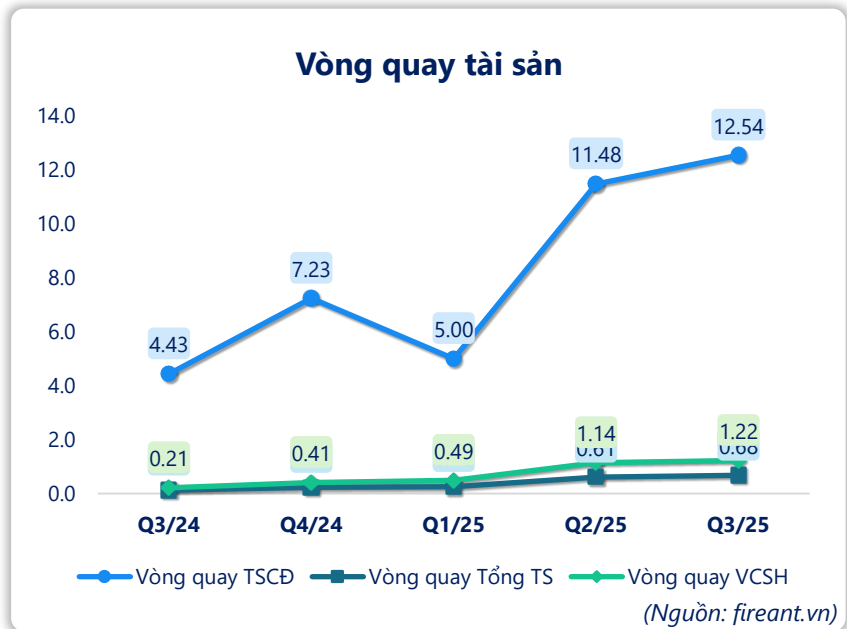
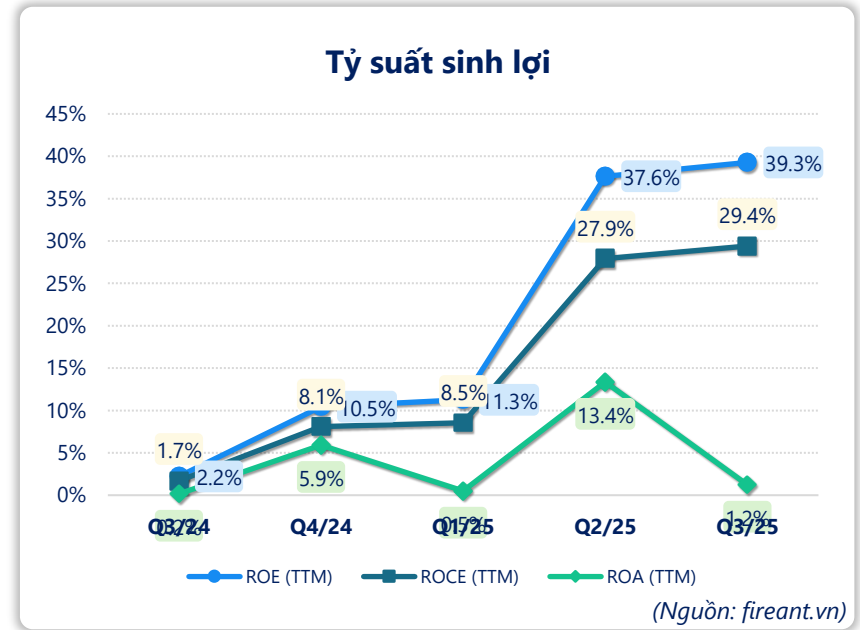
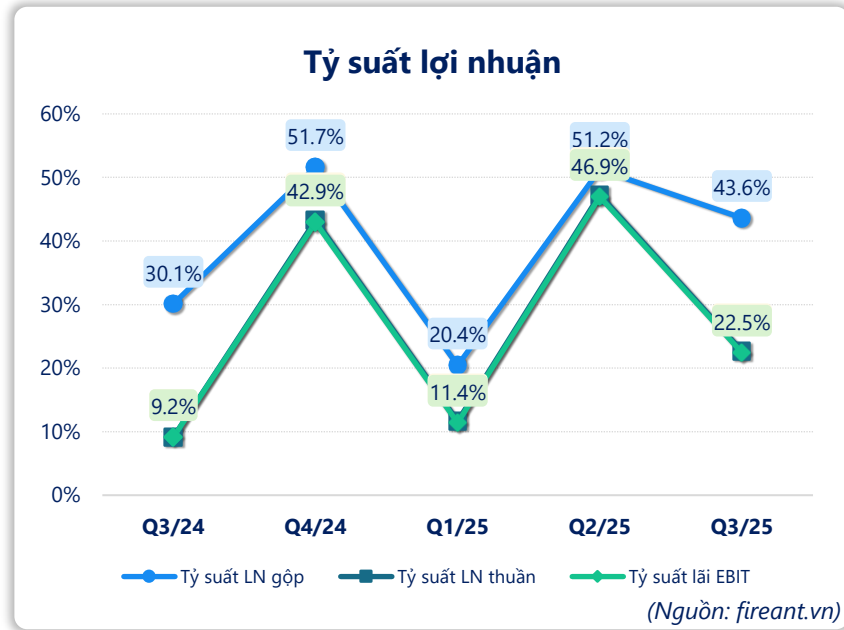
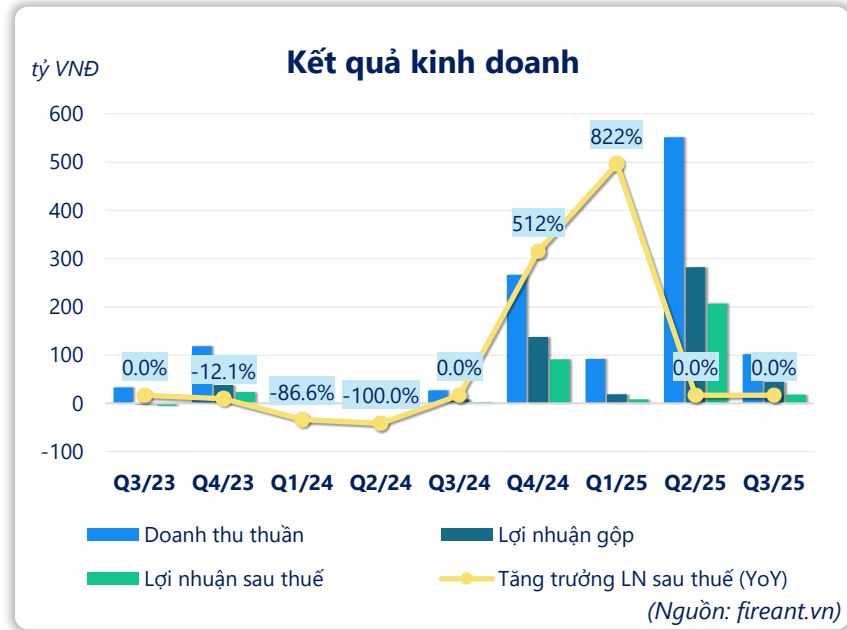


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,824
SL cổ phiếu LH		30,259,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)		91,275
% sở hữu nước ngoài		5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,111
P/E		3.4
EPS		10,719

	YTD	1T	3T	6T
D2D	43.6%	-1.1%	7.0%	8.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,400	1,516	-7.7%
Tài sản ngắn hạn	338	390	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	37.9	64.6	-41.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.5	32.5	92.3%
Phải thu ngắn hạn	98.2	63.7	54.2%
Hàng tồn kho	139	187	-26.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	41.9	-98.1%
Tài sản dài hạn	1,061	1,126	-5.8%
Phải thu dài hạn	42.8	11.1	287%
Tài sản cố định	79.0	82.1	-3.7%
Bất động sản đầu tư	381	343	11.1%
Tài sản dở dang	20.6	17.6	16.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	302	84.7	257%
Tài sản dài hạn khác	235	588	-60.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	682	769	-11.4%
Nợ ngắn hạn	98.0	246	-60.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.71	12.0	-85.8%
Nợ dài hạn	584	524	11.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	718	747	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	718	747	-3.9%
Vốn điều lệ	303	303	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	26.8	266	92.0	552	102
Giá vốn hàng bán	18.7	129	73.2	269	57.3
Lợi nhuận gộp	8.08	138	18.8	282	44.3
Doanh thu HĐTC	0.82	0.48	1.06	2.47	1.63
Chi phí TC	0	0.11	0	-3.25	0
Chi phí lãi vay	0	0.98	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.45	22.7	9.15	27.5	22.9
LN thuần từ HĐKD	2.46	115	10.7	261	23.0
Lợi nhuận khác	0	-1.92	-0.20	-1.76	-0.23
LN trước thuế	2.46	113	10.5	259	22.8
Lợi nhuận sau thuế	2.47	90.9	8.31	207	18.3
LNST của CĐ cty mẹ	2.47	90.9	8.31	207	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.1	302	221	269	40.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	-41.3	-63.4	2.71	-242
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-263	0	-253	-0.80
Tiền đầu kỳ	47.4	75.2	64.6	222	241
Lưu chuyển tiền thuần	27.8	-1.56	157	18.6	-203
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	75.2	73.6	222	241	37.9

(Nguồn: fireant.vn)